

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

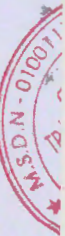
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06 - 30
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; và Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011 về tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 200.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 2, Tòa nhà Handico, Số 34 Hai Bà Trưng, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hình	Chủ tịch
Ông Hoàng Đình Kế	Thành viên
Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Đình Kế	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2015)
Bà Vũ Cẩm La Hương	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 24 tháng 02 năm 2015)
Bà Vũ Cẩm La Hương	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2015)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phùng Thị Kim Anh	Trưởng ban	
Ông Phạm Quốc Tuệ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2015)
Ông Trần Kiên Cường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2015)
Ông Lê Đức Dũng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2015)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Phạm Thị Hình

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Số: 1297/2015/BC.SXTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng Cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các vấn đề sau:

- Số dư khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu (mã chứng khoán DCS) tại 30/06/2015 là 50 tỷ đồng (Thuyết minh số 12), chiếm tỷ lệ 25% vốn chủ sở hữu. Tỷ lệ đầu tư này vượt quy định tại Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 4.000.000 cổ phần DCS với giá gốc tương ứng là 20 tỷ đồng (đã nhận được tiền ứng trước 20 tỷ đồng). Sau khi giao dịch chuyển nhượng được tiến hành vào thời điểm số cổ phiếu trên không còn bị hạn chế chuyển nhượng, tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu DCS trên vốn chủ sở hữu sẽ giảm xuống còn 15%.

- Tại thời điểm 30/06/2015, số dư khoản tạm ứng phải thu cá nhân Phạm Thị Hinh - Chủ tịch HĐQT là 18.043.975.539 đồng. Khoản tạm ứng này có mục đích mua 4.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái theo ủy quyền của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2015, quá trình làm các thủ tục để mua cổ phiếu này vẫn chưa hoàn thành.
- Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và cổ phiếu chưa niêm yết với tổng giá trị là 110 tỷ đồng, do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các chứng khoán này.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thanh Giang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0286-2013-002-1
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Kiểm toán viên

Nguyễn Diệu Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0938-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		75.280.505.844	49.786.235.465
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	45.813.590.542	23.395.217.672
111	1. Tiền		45.813.590.542	23.395.217.672
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	10.088.310.000	88.310.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		10.088.310.000	88.310.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	212.032.222	176.362.322
131	1. Phải thu của khách hàng		64.000.000	-
132	2. Trả trước cho người bán		159.400.000	204.400.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		17.836.800	-
138	5. Các khoản phải thu khác		1.167.152.708	1.168.319.608
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.196.357.286)	(1.196.357.286)
140	IV. Hàng tồn kho	7	409.709.076	565.998.250
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.756.864.004	25.560.347.221
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		381.505.287	238.753.561
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	18.375.358.717	25.321.593.660
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		154.854.303.984	156.408.854.326
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	9	6.020.000.004	3.705.833.336
218	4. Phải thu dài hạn khác		6.020.000.004	3.705.833.336
220	II. Tài sản cố định		193.078.060	239.823.058
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	19.466.940	24.545.274
222	- Nguyên giá		3.318.712.723	3.318.712.723
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.299.245.783)	(3.294.167.449)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	173.611.120	215.277.784
228	- Nguyên giá		4.989.533.184	4.989.533.184
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.815.922.064)	(4.774.255.400)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	146.400.000.000	150.000.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		150.000.000.000	150.000.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.600.000.000)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.241.225.920	2.463.197.932
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	438.753.029	670.725.041
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	1.276.598.140	1.276.598.140
268	4. Tài sản dài hạn khác	15	525.874.751	515.874.751
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		230.134.809.828	206.195.089.791

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		32.983.363.583	4.937.641.175
310	I. Nợ ngắn hạn		32.983.363.583	4.937.641.175
312	2. Phải trả người bán		1.157.733.273	453.194.660
313	3. Người mua trả tiền trước	16	20.063.000.000	438.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	67.406.424	56.401.475
315	5. Phải trả người lao động		225.001.000	288.000.000
316	6. Chi phí phải trả	18	253.325.410	309.898.760
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	566.350.931	120.386.385
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	20	10.646.781.478	3.271.703.353
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		3.708.525	-
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		56.542	56.542
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		197.151.446.245	201.257.448.616
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	197.151.446.245	201.257.448.616
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		87.438.309	87.438.309
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		374.068.731	374.068.731
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		140.896.470	140.896.470
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.450.957.265)	655.045.106
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		230.134.809.828	206.195.089.791

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

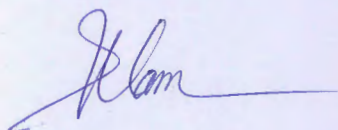
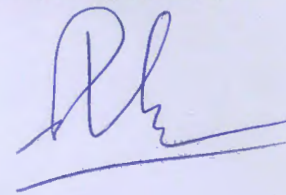
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
006	6. Chứng khoán lưu ký		92.167.060.000	99.249.940.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		57.291.030.000	35.141.410.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		450.000.000	450.000.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		56.773.970.000	34.624.350.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		67.060.000	67.060.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		48.530.000	64.048.530.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		48.530.000	64.048.530.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		34.827.500.000	60.000.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		34.827.500.000	60.000.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		72.470.850.000	520.390.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		72.470.850.000	520.390.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		72.470.850.000	520.390.000

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thái Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Thanh Vân

Phạm Thị Hình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

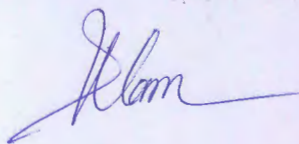
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu	22	3.528.543.355	17.966.486.824
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		51.967.718	208.155.358
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		2.564.166.668	17.745.567.273
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		800.909.091	-
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		13.522.277	5.741.563
01.9	Doanh thu khác		97.977.601	7.022.630
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22	3.528.543.355	17.966.486.824
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	4.737.555.511	14.202.057.720
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(1.209.012.156)	3.764.429.104
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2.637.400.420	3.227.237.084
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.846.412.576)	537.192.020
31	8. Thu nhập khác		-	13.253.000
32	9. Chi phí khác	25	322.045.730	4.456.844
40	10. Lợi nhuận khác		(322.045.730)	8.796.156
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.168.458.306)	545.988.176
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	120.117.399
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.168.458.306)	425.870.777
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(208)	21

Người lập biểu



Thái Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Vân

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Thị Hình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN				
01	1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		589.848.579	379.064.224
02	2. Tiền chi hoạt động kinh doanh		(10.492.046.973)	(596.223.454)
06	4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		37.566.749.705	64.561.503.803
07	5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(30.195.779.279)	(67.010.371.400)
10	8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(608.122.140)	(2.834.286.209)
11	9. Tiền chi trả cho người lao động		(1.421.689.911)	(1.529.851.303)
13	11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(32.906.347)	(8.139.765)
14	12. Tiền thu khác		104.597.571.193	1.966.050.163
15	13. Tiền chi khác		(97.842.263.361)	(2.138.344.639)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</i>		<i>2.161.361.466</i>	<i>(7.210.598.580)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(30.470.000)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(45.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	21.874.885.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		257.011.404	175.141.001
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>20.257.011.404</i>	<i>(22.980.443.999)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>22.418.372.870</i>	<i>(30.191.042.579)</i>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		23.395.217.672	50.409.265.399
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>45.813.590.542</u>	<u>20.218.222.820</u>

Người lập biểu

Thái Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vân

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Phạm Thị Hình

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, Số 34 Hai Bà Trưng, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

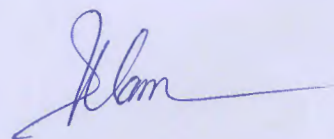
6 tháng đầu năm 2015	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		87.438.309	-	-	87.438.309
Quỹ dự phòng tài chính		374.068.731	-	-	374.068.731
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		140.896.470	-	-	140.896.470
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		655.045.106	(4.106.002.371)	-	(3.450.957.265)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	201.257.448.616	(4.106.002.371)	-	197.151.446.245
6 tháng đầu năm 2014	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		87.438.309	-	-	87.438.309
Quỹ dự phòng tài chính		365.780.059	-	-	365.780.059
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		132.607.798	-	-	132.607.798
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		505.849.013	425.870.777	-	931.719.790
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	201.091.675.179	425.870.777	-	201.517.545.956

Người lập biểu



Thái Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Vân

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Thị Hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; và Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011 về tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 200.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 2, Tòa nhà Handico, Số 34 Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND; tương đương với 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Ngày 30/12/2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Phương pháp xác định giá trị dở dang của Hợp đồng tư vấn: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng Hợp đồng chưa hoàn thành.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

2.8 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

- Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của người đầu tư	7.797.033	26.007.486.900
- Cổ phiếu	7.797.033	26.007.486.900
	<u>7.797.033</u>	<u>26.007.486.900</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	91.568.629	61.867.061
Tiền gửi ngân hàng	35.085.849.081	20.066.661.739
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	10.636.172.832	3.266.688.872
	<u>45.813.590.542</u>	<u>23.395.217.672</u>

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại	1.045.000	45.000	10.088.310.000	88.310.000	24.190.000	87.190.000	-	-	112.500.000	175.500.000
Cổ phiếu	1.045.000	45.000	10.088.310.000	88.310.000	24.190.000	87.190.000	-	-	112.500.000	175.500.000
- Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến khoáng sản Yên Bái (i)	1.000.000	-	10.000.000.000	-						
- KHL	45.000	45.000	88.310.000	88.310.000	24.190.000	87.190.000	-	-	112.500.000	175.500.000
TỔNG CỘNG	1.045.000	45.000	10.088.310.000	88.310.000	24.190.000	87.190.000	-	-	112.500.000	175.500.000

(i): Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến khoáng sản Yên Bái (chưa niêm yết), dự phòng giảm giá chứng khoán chưa được trích lập do chưa xác định được giá thị trường của cổ phiếu này.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Tổng số dự phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	
1. Phải thu của khách hàng	-	-	-	64.000.000	-	64.000.000	-	-	-
- Phải thu dịch vụ tư vấn	-	-	-	64.000.000	-	64.000.000	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	204.400.000	-	149.400.000	-	45.000.000	159.400.000	-	149.400.000	(149.400.000)
- Ứng trước cho Công ty Cổ phần Truyền thông Thời Đại	104.400.000	-	104.400.000	-	-	104.400.000	-	104.400.000	(104.400.000)
- Ứng trước cho Công ty TNHH Hợp nhất	45.000.000	-	45.000.000	-	-	45.000.000	-	45.000.000	(45.000.000)
- Các khoản ứng trước khác	55.000.000	-	-	-	45.000.000	10.000.000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	18.178.503	341.703	17.836.800	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	-	-	18.178.503	341.703	17.836.800	-	-	-
4. Các khoản phải thu khác	1.168.319.608	-	1.161.064.708	9.427.770	10.594.670	1.167.152.708	238.228.636	922.836.072	(1.046.957.286)
- Phải thu lãi và gốc từ HĐ hợp tác đầu tư quá hạn	238.228.636	-	238.228.636	-	-	238.228.636	238.228.636	-	(124.121.214)
- Các khoản phải thu khác	930.090.972	-	922.836.072	9.427.770	10.594.670	928.924.072	-	922.836.072	(922.836.072)
TỔNG CỘNG	1.372.719.608	-	1.310.464.708	91.606.273	55.936.373	1.408.389.508	238.228.636	1.072.236.072	(1.196.357.286)

7 . HÀNG TỒN KHO

Đây là các chi phí liên quan đến các Hợp đồng tư vấn (tư vấn niêm yết, tư vấn tài chính, tư vấn cổ phần hóa...). Tại thời điểm 30/06/2015, các hợp đồng này vẫn đang thực hiện, chưa hoàn thành.

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng (*)	18.375.358.717	25.311.593.660
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	10.000.000
	18.375.358.717	25.321.593.660

(*): Trong đó, số dư tạm ứng của Bà Phạm Thị Hinh tại ngày 30/06/2015 là 18.043.975.539 VND. Khoản tạm ứng được đảm bảo khả năng thu hồi bằng quyền phong tỏa/thực hiện bán 2.400.000 cổ phiếu KHL và 2.189.450 cổ phiếu KSG thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Hinh hoặc toàn quyền sử dụng số cổ phần VSM mà bà Hinh nắm giữ (2.880.000 CP) nhằm thu hồi khoản tạm ứng trong trường hợp rủi ro xảy ra.

9 . CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Lãi trái phiếu dự thu (chi tiết xem Thuyết minh số 12)	6.020.000.004	3.705.833.336
	6.020.000.004	3.705.833.336

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	30.470.000	3.288.242.723	3.318.712.723
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	30.470.000	3.288.242.723	3.318.712.723
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	5.924.726	3.288.242.723	3.294.167.449
Số tăng trong kỳ	5.078.334	-	5.078.334
- Trích khấu hao	5.078.334	-	5.078.334
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	11.003.060	3.288.242.723	3.299.245.783
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	24.545.274	-	24.545.274
Tại ngày cuối kỳ	19.466.940	-	19.466.940

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 3.288.242.723 VND

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính, phần mềm giao dịch với tổng nguyên giá là 4.989.533.184 đồng, hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2015 là 4.815.922.064 đồng, trong đó khấu hao từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 là 41.666.664 đồng. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã hết khấu hao còn sử dụng là: 2.583.969.738 đồng.

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư dài hạn	150.000.000.000	150.000.000.000
<i>Trái phiếu Công ty CP Phương Trung (i)</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu (DCS) (ii)</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.600.000.000)	-
<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu (DCS) (ii)</i>	<i>(3.600.000.000)</i>	<i>-</i>
	<u>146.400.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>

(i): Trái phiếu Công ty Cổ phần Phương Trung được mua lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VDI với số lượng 85 trái phiếu; Mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu; Kỳ hạn 5 năm, ngày phát hành là 24/10/2011, ngày đáo hạn là 24/10/2016; Tổng giá mua trái phiếu là 100 tỷ đồng. Theo thỏa thuận giữa hai bên, lãi suất được điều chỉnh giảm xuống 6% từ ngày 01/07/2014 cho đến khi tất toán hợp đồng hoặc đến khi các bên có thỏa thuận khác thay thế. Trái phiếu được đảm bảo bằng tín chấp. Theo hợp đồng cam kết mua trái phiếu số 02/2012/PT-VSM và phụ lục hợp đồng số 02/2012/PLHĐ/PT-VSM, Công ty Cổ phần Phương Trung cam kết mua lại toàn bộ số trái phiếu và số lãi phát sinh từ trái phiếu này mà Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM (VSM) chưa được thanh toán vào ngày đáo hạn của trái phiếu với giá chuyển nhượng là 100 tỷ đồng cộng (+) khoản lãi phát sinh của trái phiếu mà VSM chưa được thanh toán. Giá trị khoản đầu tư trái phiếu và lãi trái phiếu tại ngày 30/06/2015 lần lượt là: 100.000.000.000 VND và 6.020.000.004 VND. Do không thể xác định được giá trị thị trường của trái phiếu này tại ngày 30/06/2015 nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá trái phiếu.

(ii): Theo biên bản thỏa thuận số 03/2014/BBTT-VSM ngày 28/11/2014 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM và Bà Phạm Thị Hinh, hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất mua 10.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu (mã chứng khoán DCS) với tổng giá trị 100 tỷ đồng (giá mua 10.000 đồng/cổ phiếu). Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM sẽ chi ra 50 tỷ đồng. Phần giá trị còn lại, tương đương với 50 tỷ đồng do bà Phạm Thị Hinh thanh toán. VSM sẽ đứng tên sở hữu trên Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần DCS. Cũng theo biên bản thỏa thuận, trường hợp giá bán chứng khoán nhỏ hơn hoặc bằng 5.000 đ/cổ phiếu thì toàn bộ tiền bán chứng khoán nhận được sẽ được chuyển cho VSM, VSM sẽ chịu khoản lỗ là phần chênh lệch giữa tổng tiền bán cổ phiếu nhận được và số tiền mà VSM đã chi ra để mua cổ phiếu; trường hợp giá bán chứng khoán lớn hơn 5.000 đồng/cổ phiếu và nhỏ hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu thì số tiền chênh lệch giữa giá bán và số tiền mà VSM đã chi ra để mua cổ phiếu sẽ được VSM chuyển cho bà Phạm Thị Hinh; trường hợp giá bán chứng khoán lớn hơn 10.000 đồng/cổ phiếu thì hai bên sẽ phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ 50 : 50.

Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đã nhận khoản tiền ứng trước 20 tỷ đồng theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 06/2015/HĐCNCP ngày 30/03/2015 với Bà Phạm Thị Hằng và biên bản thỏa thuận số 07/2015/BBTT-VSM ngày 30/03/2015 giữa VSM, Bà Phạm Thị Hinh và bà Phạm Thị Hằng về việc chuyển nhượng 4.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu (mã chứng khoán DCS) với giá 5.000 đồng/cổ phiếu (Thuyết minh số 16). Dự kiến đến cuối năm 2015, VSM sẽ làm xong các thủ tục chuyển nhượng và sang tên số lượng cổ phiếu cho Bà Phạm Thị Hằng.

Tại thời điểm 30/06/2015, giá giao dịch bình quân chứng khoán DCS là 4.400 đồng/cổ phiếu. Do đó, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán cho 6.000.000 cổ phiếu DCS còn lại với số dự phòng là 3.600.000.000 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	670.725.041	70.641.566
Số tăng trong kỳ	2.990.000	837.405.500
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(234.962.012)	(62.034.467)
Số dư cuối kỳ	<u>438.753.029</u>	<u>846.012.599</u>

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	149.978.214	223.290.696
Chi phí sửa chữa văn phòng chờ phân bổ	274.452.703	424.154.178
Chi phí trả trước dài hạn khác	14.322.112	23.280.167
	438.753.029	670.725.041
14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN		
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	836.970.381	836.970.381
Tiền lãi lũy kế	319.627.759	319.627.759
Số dư cuối kỳ	1.276.598.140	1.276.598.140
15 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC		
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	525.874.751	515.874.751
	525.874.751	515.874.751
16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC		
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bà Phạm Thị Hằng trả trước tiền mua cổ phiếu DCS	20.000.000.000	-
Đối tượng khác	63.000.000	438.000.000
	20.063.000.000	438.000.000
17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC		
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	58.232.424	11.671.886
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	32.906.347
Thuế Thu nhập cá nhân	9.174.000	11.823.242
	67.406.424	56.401.475

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí điện, nước, cước viễn thông	209.315.410	239.898.760
Chi phí phải trả khác	44.010.000	70.000.000
	253.325.410	309.898.760

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	177.488.000	30.446.000
Bảo hiểm y tế	31.896.000	1.806.519
Bảo hiểm thất nghiệp	13.616.000	2.342.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	343.350.931	85.791.866
- Phải trả Ủy ban chứng khoán tiền phạt vi phạm hành chính	320.000.000	-
- Phải trả khác	23.350.931	85.791.866
	566.350.931	120.386.385

20 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	6.608.646	811.874
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	4.000.000	4.202.607
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	10.636.172.832	3.266.688.872
	10.646.781.478	3.271.703.353

21 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết Phụ lục 1

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	(%)	VND	(%)	VND
Bà Phạm Thị Hinh	14,40%	28.800.000.000	14,40%	28.800.000.000
Bà Trần Thị Hạnh	14,40%	28.800.000.000	14,40%	28.800.000.000
Bà Phạm Thị Hằng	26,99%	53.975.000.000	26,99%	53.975.000.000
Ông Phạm Quốc Tuệ	5,74%	11.475.000.000	5,74%	11.475.000.000
Công ty Cổ phần Phương Trung	5,60%	11.205.000.000	5,60%	11.205.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	7,25%	14.500.000.000	7,25%	14.500.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang	13,05%	26.095.000.000	13,05%	26.095.000.000
Ông Hoàng Đình Kế	12,57%	25.150.000.000	12,57%	25.150.000.000
	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	3.528.543.355	17.966.486.824
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	51.967.718	208.155.358
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.564.166.668	17.745.567.273
- Doanh thu hoạt động tư vấn	800.909.091	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	13.522.277	5.741.563
- Doanh thu khác	97.977.601	7.022.630
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	3.528.543.355	17.966.486.824

23 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	398.038.616	407.819.779
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	13.773.974.944
Chi phí dự phòng	3.600.000.000	-
Chi phí hoạt động tư vấn	714.830.884	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	22.751.498	16.775.865
Chi phí khác	1.934.513	3.487.132
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	4.737.555.511	14.202.057.720

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, Số 34 Hai Bà Trưng, Phường
Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.403.639.046	1.493.934.060
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	245.369.772	52.174.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.744.998	370.381.839
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	274.121.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền	938.646.604	1.033.625.832
	2.637.400.420	3.227.237.084

25 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán	320.000.000	-
Chi phí khác	2.045.730	4.456.844
	322.045.730	4.456.844

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.168.458.306)	545.988.176
Các khoản điều chỉnh tăng	320.000.000	-
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	320.000.000	-
Tổng thu nhập tính thuế	(3.848.458.306)	545.988.176
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	-	120.117.399
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	32.906.347	5.806.388
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(32.906.347)	(8.139.765)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	-	117.784.022

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(4.168.458.306)	425.870.777
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(4.168.458.306)	425.870.777
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(208)	21

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.813.590.542	-	23.395.217.672	-
Các khoản phải thu (i)	7.268.989.512	(1.046.957.286)	4.874.152.944	(1.046.957.286)
Đầu tư ngắn hạn	10.088.310.000	-	88.310.000	-
Đầu tư dài hạn	150.000.000.000	(3.600.000.000)	150.000.000.000	-
	213.170.890.054	(4.646.957.286)	178.357.680.616	(1.046.957.286)

(i): Bao gồm: Phải thu khách hàng, Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải thu khác.

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản phải trả (ii)	12.374.574.207	3.845.284.398
Chi phí phải trả	253.325.410	309.898.760
	12.627.899.617	4.155.183.158

(i): Bao gồm: Phải trả người bán, phải trả khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.813.590.542	-	-	45.813.590.542
Các khoản phải thu	202.032.222	6.020.000.004	-	6.222.032.226
Đầu tư ngắn hạn	10.088.310.000	-	-	10.088.310.000
Đầu tư dài hạn	-	146.400.000.000	-	146.400.000.000
	56.103.932.764	152.420.000.004	-	208.523.932.768
Tại 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.395.217.672	-	-	23.395.217.672
Các khoản phải thu	121.362.322	3.705.833.336	-	3.827.195.658
Đầu tư ngắn hạn	88.310.000	-	-	88.310.000
Đầu tư dài hạn	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000
	23.604.889.994	153.705.833.336	-	177.310.723.330

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2015				
Các khoản phải trả	12.374.574.207	-	-	12.374.574.207
Chi phí phải trả	253.325.410	-	-	253.325.410
	<u>12.627.899.617</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>12.627.899.617</u>
Tại 01/01/2015				
Các khoản phải trả	3.845.284.398	-	-	3.845.284.398
Chi phí phải trả	309.898.760	-	-	309.898.760
	<u>4.155.183.158</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.155.183.158</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	10.636.172.832	3.266.688.872
	<u>10.636.172.832</u>	<u>3.266.688.872</u>

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn VND	Hoạt động tư vấn VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.564.166.668	800.909.091	163.467.596	3.528.543.355
Chi phí trực tiếp	3.600.000.000	714.830.884	422.724.627	4.737.555.511
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.035.833.332)	86.078.207	(259.257.031)	(1.209.012.156)
Tài sản bộ phận	180.883.668.721	821.008.254	11.930.607.772	193.635.284.747
Tài sản không phân bổ	-	-	-	36.499.525.081
Tổng tài sản	180.883.668.721	821.008.254	11.930.607.772	230.134.809.828
Nợ phải trả của các bộ phận	20.000.000.000	63.000.000	10.650.490.003	30.713.490.003
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	2.269.873.580
Tổng nợ phải trả	20.000.000.000	63.000.000	10.650.490.003	32.983.363.583

Theo khu vực địa lý

Các hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Tạm ứng			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	73.600.000.000	-
Nhà đầu tư chuyển tiền vào tài khoản của mình			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	23.704.062.000	20.758.000.000
Nhà đầu tư rút tiền từ tài khoản của mình			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	25.706.754.969	24.584.099.000
Lãi trái phiếu			
- Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	2.564.166.668	3.418.888.891
Người mua trả trước tiền mua cổ phiếu DCS			
- Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	20.000.000.000	-

Các giao dịch khác:

- Cam kết mua lại trái phiếu của Công ty Cổ phần Phương Trung, cổ đông của Công ty (xem Thuyết minh số 12).
- Thỏa thuận hợp tác đầu tư cổ phiếu DCS với bà Phạm Thị Hinh, Chủ tịch HĐQT Công ty (xem Thuyết minh số 12).
- Thỏa thuận bán cổ phiếu DCS cho bà Phạm Thị Hằng, cổ đông của Công ty (xem Thuyết minh số 12).

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu tạm ứng			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	18.375.358.717	25.090.134.581
Người mua trả tiền trước			
- Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	20.000.000.000	-
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	259.316.705	1.620.524.784
Đầu tư trái phiếu			
- Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	100.000.000.000	100.000.000.000
Phải thu lãi trái phiếu			
- Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	6.020.000.004	3.705.833.336

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	428.510.910	729.534.091

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

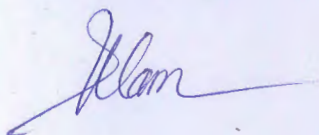
Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Người lập biểu

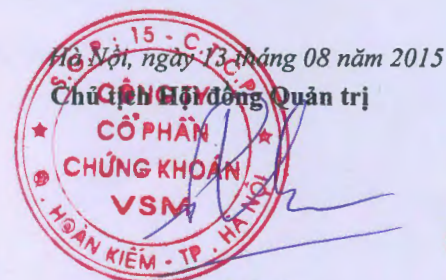


Thái Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Vân



Phạm Thị Hinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, Số 34 Hai Bà Trưng, Phường Trưng Tiên, Quận
Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Phụ lục 1 ; BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	200.000.000.000	87.438.309	365.780.059	132.607.798	505.849.013	201.091.675.179
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	425.870.777	425.870.777
Tại ngày 30/06/2014	200.000.000.000	87.438.309	365.780.059	132.607.798	931.719.790	201.517.545.956
Tại ngày 01/01/2015	200.000.000.000	87.438.309	374.068.731	140.896.470	655.045.106	201.257.448.616
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	(4.168.458.306)	(4.168.458.306)
Tăng khác (*)	-	-	-	-	62.455.935	62.455.935
Tại ngày 30/06/2015	200.000.000.000	87.438.309	374.068.731	140.896.470	(3.450.957.265)	197.151.446.245

(*): Hoàn nhập khoản thù lao đã trích cho các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2007 - 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/VSM/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/03/2015.

